Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 17.11.2026 16:08:00 +07:00

CB 52

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2224/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về việc thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San, gồm các hồ, nhà máy: Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, PleiKrông, Ialy, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4 và Sê San 4A.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San.

2. Các quy trình vận hành hồ chứa đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quyết định này thì phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quyết định này.

3. Quy trình vận hành liên hồ chứa là giải pháp phi công trình để phối hợp vận hành giữa các hồ, đập, công trình góp phần nâng cao hiệu quả cắt, giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu nguy cơ hạn hán, thiếu nước trong mùa cạn trên lưu vực sông Sê San.

4. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa lũ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn trên cơ sở thực hiện đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình, trong đó bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, chi tiết ngành có liên quan.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh: Quảng Ngãi, Gia Lai; Chủ tịch Ủy ban sông Mê Công Việt Nam; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn; Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật (sau đây gọi chung là Giám đốc) của đơn vị quản lý, vận hành hồ, nhà máy: Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, PleiKrông, Ialy, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại giao;
- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các tỉnh tại Điều 3;
- Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- Các Cục: Cục Quản lý tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ, nhà máy tại Điều 3;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: CN, NC, CTTCP, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)26

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hồ Quốc Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San

(Kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hằng năm, các hồ, nhà máy: Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, PleiKrông, Ialy, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4 và Sê San 4A trên lưu vực sông Sê San phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện: PleiKrông, Sê San 4, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4A, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 5.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện: Ialy, Thượng Kon Tum, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Đăk Bla, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Đăk Bla 1, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du và không gây biến động dòng chảy đột ngột vùng biên giới Việt Nam và Campuchia; hạn chế thiệt hại sản xuất ở vùng bán ngập trong lòng hồ Ialy; góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của hồ chứa Ialy tới khả năng thoát lũ ở vùng hạ du sông Đắk Bla;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Hạn chế thiệt hại sản xuất ở vùng bán ngập trong lòng hồ lấy;

c) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước hạ du;

d) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ): từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn): từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 30 tháng 6 năm sau.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ chứa phải tuân thủ theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ chứa.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của hồ chứa theo Phụ lục I của Quy trình này.

Chương II
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ đã được ban hành, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Chương IV của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm an toàn công trình hồ chứa, không gây đột biến, bất thường về dòng chảy, đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân khu vực ven sông ở hạ du các hồ chứa; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về: tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin, thông tin dự báo, cảnh báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo điều hành, cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ chứa để nâng cao hiệu quả giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

5. Sau khi kết thúc quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc sau khi vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp hoặc sau khi vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 của Quy trình này.

Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Kon Plông và Kon Tum theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất của các hồ PleiKrông, Ialy, Thượng Kon Tum, Đăk Bla thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Bảng 1. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 1. Mực nước cao nhất của các hồ trong điều kiện bình thường

Hồ	Mực nước (m)		
	Từ 01/7 đến 31/8	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 30/11
PleiKrông	567,5	568,5	569,5
Ialy	511,2	513,2	514,2
Thượng Kon Tum	1.157		
Đăk Bla	556,5		

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Hồ	Mực nước (m)		
	Từ 01/7 đến 31/8	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 30/11
PleiKrông	566,2	567,2	568,2
Ialy	510,8		
Thượng Kon Tum	1.154		
Đăk Bla	545,0		

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ cắt, giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước tại các trạm thủy văn
để quyết định vận hành các hồ cắt, giảm lũ cho hạ du

Trạm thủy văn	Kon Tum	Kon Plông
Mực nước tại trạm thủy văn (m)	519,7	594,0

Điều 7. Chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ

1. Việc vận hành các hồ trong mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

- Đối với các hồ PleiKrông, Ialy, Thượng Kon Tum, Đăk Bla, việc vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các chế độ vận hành sau:

+ Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ.

+ Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%) nhằm duy trì mực nước hồ.

+ Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường, riêng đối với hồ Ialy phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 4.

+ Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 sau khi vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

+ Việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2.

- Đối với các hồ chứa khác, việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại Điều 12 của Quy trình này.

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường (trừ các hồ được quy định mực nước khác để vận hành an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước) mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định cụ thể tại Điều 14 của Quy trình này;

d) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 22 của Quy trình này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, phát điện, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến

các địa phương hoặc gây ngập, lụt trên lưu vực sông Sê San (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp dự báo không có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt 730 m^3/s đối với hồ Đăk Bla, 420 m^3/s đối với hồ Thượng Kon Tum, 700 m^3/s đối với hồ PleiKrông và 1.700 m^3/s đối với hồ Ialy (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ).

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1 hoặc mực nước tại các trạm thủy văn đã xuống dưới mức báo động I và còn đang tiếp tục xuống, đồng thời không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

b) Các hồ PleiKrông, Ialy, Thượng Kon Tum, Đăk Bla phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường và lũ đến hồ đã giảm. Các hồ chứa khác phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

c) Các hồ PleiKrông, Ialy, Thượng Kon Tum, Đăk Bla được thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ ngày 01 tháng 11 không xuất hiện các tình huống theo quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, bản tin dự báo, cảnh báo trong 10 ngày tới của Cục Khí tượng Thủy văn không có thông tin xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Sê San;

d) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại các điểm a, b và c khoản này và Điều 22 của Quy trình này, các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường.

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ, phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp của các hồ thuộc Quy trình này do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định, được quy định như sau:

- Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi quyết định đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường); quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định đối với việc thực hiện chế độ tích nước cuối mùa lũ và chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp.

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình, vận hành trong điều kiện bình thường do Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, vận hành hồ, nhà máy thủy điện (sau đây gọi tắt là Chủ hồ) quyết định trên cơ sở quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại các điểm a và b khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp hoặc các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác (sau đây gọi chung là lệnh vận hành). Trường hợp lệnh vận hành chưa được ban hành bằng văn bản thì sau đó phải có văn bản gửi cho các cơ quan liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Chủ hồ phải báo cáo lại việc thực hiện lệnh vận hành bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát việc vận hành;

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ không nhận được lệnh vận hành của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này thì Chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định của Quy trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời, báo cáo ngay Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này. Việc báo cáo vận hành công trình được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác. Toàn bộ hồ sơ, dữ liệu, nhật ký vận hành và cơ sở đưa ra quyết định vận hành phải được lưu trữ, gửi cho các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

đ) Lệnh vận hành phải thể hiện các thông tin chính như sau: hiện trạng mực nước hạ du, mực nước hồ, lưu lượng về hồ, lưu lượng xả sau công trình; mục tiêu cần đạt của lệnh; thời gian thực hiện lệnh; mực nước hồ dự kiến đạt; cấp lưu lượng xả và các yêu cầu khác (nếu có).

Điều 8. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Đăk Bla

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum chưa vượt quá báo động II thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum vượt báo động II nhưng vẫn dưới mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ từ 730 m^3/s đến 1.000 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm c, d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum bằng hoặc vượt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 1.000 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum xuống dưới báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum bằng hoặc trên báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ tiếp tục lên lại thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum chưa vượt quá báo động II, thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2, trừ trường hợp mực nước hồ đạt giá trị quy định tại Bảng 2 mà lưu lượng đến hồ vượt quá tổng lưu lượng xả tối đa của công trình.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước trạm thủy văn và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Thượng Kon Tum

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Plông chưa vượt quá báo động II thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Plông vượt mức báo động II nhưng vẫn dưới mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ từ 420 m^3/s đến 490 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c, d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Plông hoặc Trạm thuỷ văn Kon Tum bằng hoặc vượt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 490 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Kon Plông và Trạm thuỷ văn Kon Tum xuống dưới báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Kon Plông hoặc Trạm thuỷ văn Kon Tum bằng hoặc trên báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Plông chưa vượt quá báo động II, thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước trạm thủy văn và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vận hành hồ Ialy

1. Khi lưu lượng đến hồ Ialy nhỏ hơn 1.700 m^3/s thì thực hiện vận hành như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn mực nước quy định tại Bảng 2, thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn mực nước quy định tại Bảng 2, thì thực hiện vận hành để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào lưu lượng đến hồ để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

2. Khi lưu lượng đến hồ Ialy từ 1.700 m^3/s đến dưới 3.800 m^3/s, thì vận hành duy trì mực nước hồ.

3. Khi lưu lượng đến hồ Ialy từ 3.800 m^3/s đến 7.900 m^3/s, thì vận hành giảm lũ cho hạ du nhưng phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 4. Trong quá trình vận hành mà mực nước hồ đạt đến giá trị quy định tại Bảng 4, thì vận hành duy trì mực nước hồ.

4. Trong quá trình vận hành theo khoản 3 Điều này, khi mực nước hồ đạt đến giá trị quy định tại Bảng 4 mà dự báo lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng vượt quá 7.900 m^3/s thì chuyển sang chế độ vận hành bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy trình này.

5. Sau quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du nếu Cục Khí tượng Thủy văn dự báo các hình thế thời tiết có khả năng gây lũ, nhưng không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực, đồng thời lưu lượng về hồ nhỏ hơn 3.800 m^3/s thì vận hành để đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1.

Bảng 4. Giới hạn mực nước cao nhất của hồ Ialy trong vận hành giảm lũ

Thời kỳ (ngày/tháng)	**Từ 01/7 đến 31/8**	**Từ 01/9 đến 30/9**	**Từ 01/10 đến 30/11**
Mực nước hồ (m)	512	514	515

Điều 11. Vận hành hồ PleiKrông

1. Khi mực nước hồ cao hơn mực nước quy định tại Bảng 2 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2; khi mực nước hồ nhỏ hơn mực nước quy định tại Bảng 2 thì thực hiện vận hành để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị mực nước quy định tại Bảng 2.

2. Khi lưu lượng đến hồ từ 700 m^3/s đến 1.700 m^3/s đồng thời mực nước hồ Ialy không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 4 thì vận hành duy trì mực nước hồ.

3. Khi lưu lượng đến hồ lớn hơn 1.700 m^3/s hoặc mực nước hồ Ialy vượt mực nước quy định tại Bảng 4 thì vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du nếu Cục Khí tượng Thủy văn dự báo các hình thế thời tiết có khả năng gây lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực thì vận hành để đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1.

Điều 12. Vận hành phối hợp giảm lũ đối với các hồ Đăk Bla 1, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4 và Sê San 4A

1. Trong quá trình các hồ Đăk Bla hoặc hồ Thượng Kon Tum vận hành theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy trình này thì hồ Đăk Bla 1 phải vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%), khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành để duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

2. Trong quá trình hồ Ialy vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy trình này thì các hồ Sê San 3, Sê San 3A và Sê San 4 phải vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ để hạ dần mực nước hồ, gia tăng dung tích phòng lũ cho hạ du, tuy nhiên phải đảm bảo an toàn cho các công trình và không gây lũ đột biến phía hạ du.

Trong quá trình hồ Ialy vận hành theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy trình này thì các hồ Sê San 3, Sê San 3A và Sê San 4 phải vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

Trong quá trình hồ Ialy vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Quy trình này thì các hồ Sê San 3, Sê San 3A và Sê San 4 phải vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ, khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết để duy trì mực nước hồ. Đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

3. Trong quá trình hồ Sê San 4 vận hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, hồ Sê San 4A vận hành đảm bảo không gây lũ đột biến dưới hạ du.

4. Ngoài việc thực hiện phối hợp vận hành hồ theo quy định tại Điều này, các hồ phải thực hiện việc vận hành hồ theo quyết định, chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy trình này (nếu có).

Điều 13. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước các hồ PleiKrông, Ialy, Thượng Kon Tum, Đăk Bla đạt đến mực nước dâng bình thường mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình thì các Chủ hồ phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với các hồ khác không quy định tại Bảng 1 thì thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đồng thời phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, Bộ Công Thương.

Điều 14. Tích nước cuối mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định bằng văn bản việc vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ: Thượng Kon Tum, Đăk Bla, PleiKrông và Ialy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có văn bản về việc vận hành tích nước đối với các hồ nêu trên. Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường.

Trường hợp sau 03 ngày mà Chủ hồ chưa nhận được văn bản về việc vận hành tích nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì Chủ hồ được phép chủ động thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, đồng thời có văn bản báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình thực hiện, nếu có chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì thực hiện theo chỉ đạo.

2. Trường hợp có cảnh báo, dự báo xuất hiện El Niño, nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông Sê San, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định thời gian tích nước sớm hơn và điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả cho phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho mùa cạn của năm tiếp theo. Đồng thời, thông báo Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ. Nếu xuất hiện các tình huống quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 22 của Quy trình này thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành theo các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định của Quy trình này.

4. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

Điều 15. Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Chủ hồ được chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo mực nước không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải xả nước về hạ du như sau:

1. Đối với hồ Thượng Kon Tum phải xả nước liên tục về hạ du sông Đắk Nghé với lưu lượng từ 3,3 m^3/s đến 5,8 m^3/s.

2. Đối với các hồ Đăk Bla 1, Đăk Bla xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình theo quy định.

3. Đối với các hồ PleiKrông, Ialy và Sê San 4, vận hành xả nước về hạ du với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn: 20 m^3/s đối với hồ PleiKrông, 100 m^3/s đối với hồ Ialy, 120 m^3/s đối với hồ Sê San 4.

Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp cần thiết Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan thống nhất điều chỉnh giảm lưu lượng và thời gian xả của các hồ PleiKrông, Ialy và Sê San 4 trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại Điều này.

4. Đối với các hồ Sê San 3, Sê San 3A xả nước về hạ du với tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-20%).

5. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì các hồ phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Chương III
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

Điều 16. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

2. Từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 15 tháng 02, ưu tiên tích nước đối với hồ PleiKrông; từ ngày 16 tháng 02 đến ngày 15 tháng 5 hồ Ialy vận hành để mực nước hồ không vượt cao trình 512 m.

3. Các hồ trên lưu vực phải phối hợp vận hành xả nước để đảm bảo ổn định, không gây biến động đột ngột dòng chảy dưới hạ du với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s sau hồ Sê San 4A, trừ trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

4. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và mực nước quy định tại Phụ lục III để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

5. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước hoặc khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở dưới hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình nhằm đưa mực nước hồ về mực nước hoặc khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy trình này.

7. Việc vận hành các hồ chứa phải căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Điều 17. Các thời kỳ vận hành hồ chứa trong mùa cạn

1. Thời kỳ I: từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 15 tháng 02.

2. Thời kỳ II: từ ngày 16 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4.

3. Thời kỳ III: từ ngày 01 tháng 5 đến ngày 30 tháng 6.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn

1. Chủ hồ được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 19, 20 và Điều 21 của Quy trình này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại các khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này và Điều 23 của Quy trình này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước các hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Thượng Kon Tum thấp hơn mực nước hoặc khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải đề xuất phương án vận hành hồ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt giá trị theo quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước các hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Thượng Kon Tum vẫn thấp hơn mực nước hoặc khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 của Quy trình này, thì Chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt giá trị theo quy định tại Phụ lục III.

4. Trường hợp cần thiết, vào đầu mùa cạn hoặc trong các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan để thống nhất điều chỉnh lưu lượng xả của các hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4 và Sê San 4A trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại các Điều 19, 20 và Điều 21 của Quy trình này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 4 Điều 20, khoản 4 Điều 21 của Quy trình này.

5. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du trên cơ sở phương án đề xuất, báo cáo của Chủ hồ.

Điều 19. Vận hành hồ trong thời kỳ I

1. Khi mực nước hồ Ialy ở cao trình lớn hơn 512 m

Hằng ngày, các hồ vận hành như sau:

a) Hồ PleiKrông

Vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s và phải phối hợp với hồ Ialy để đến ngày 16 tháng 02, mực nước hồ Ialy không lớn hơn cao trình 512 m. Khi mực nước hồ đạt mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

b) Hồ Ialy

Vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 165 m^3/s và phải đảm bảo đến ngày 16 tháng 02, mực nước hồ không lớn hơn cao trình 512 m.

c) Hồ Sê San 4

Vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s và phải đảm bảo thời gian ngừng xả nước giữa hai lần liên tiếp không được vượt quá 09 giờ. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ Sê San 4 giảm và có thể thấp hơn giá trị mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng, nhưng không nhỏ hơn 195 m^3/s để đảm bảo mực nước hồ theo quy định.

d) Nhà máy thủy điện Sê San 4A

Vận hành xả nước phát điện về hạ du với lưu lượng thường xuyên, liên tục không nhỏ hơn 90 m^3/s và đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s. Trong quá trình vận hành phải đảm bảo tổng lưu lượng xả không vượt quá tổng lượng nước xả của hồ Sê San 4 trong cùng ngày đó.

Trong trường hợp nhà máy thủy điện Sê San 4A không thể vận hành phát điện, Công ty Phát triển thủy điện Sê San phải vận hành cống xả của hồ Sê San 4A với lưu lượng thường xuyên, liên tục không nhỏ hơn 90 m^3/s và đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s.

đ) Hồ Thượng Kon Tum

Vận hành xả nước liên tục về hạ du sông Đắk Nghé không nhỏ hơn 5,8 m^3/s đối với các tháng 02, 3 và tháng 4; không nhỏ hơn 3,3 m^3/s đối với các tháng 12, 01, 5 và tháng 6. Trường hợp có yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hồ Thượng Kon Tum phải xả nước xuống hạ du sông Đắk Nghé theo yêu cầu.

e) Các hồ Đăk Bla 1, Đăk Bla vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình theo quy định.

g) Các hồ Sê San 3, Sê San 3A vận hành với tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-20%).

2. Khi mực nước hồ Ialy ở cao trình nhỏ hơn hoặc bằng 512 m

Hằng ngày, các hồ vận hành như sau:

a) Hồ PleiKrông

- Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông cao hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông được phép chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s;

- Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông cao hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 65 m^3/s;

- Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông thấp hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s và không lớn hơn lưu lượng đến hồ;

- Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông thấp hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

b) Hồ Ialy

- Trường hợp mực nước hồ Ialy cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, Chủ hồ được phép chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 165 m^3/s;

- Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, mà có xu hướng giảm, có khả năng thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả, nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 165 m^3/s;

- Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, thì vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày từ 140 m^3/s đến 165 m^3/s.

c) Các hồ Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4 và Nhà máy thủy điện Sê San 4A vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Khi kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San nhận định có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nước không đảm bảo để duy trì lưu lượng trung bình ngày 195 m^3/s sau thủy điện Sê San 4A trong các tháng mùa cạn trừ các trường hợp được quy định tại khoản 2, 3 Điều 23 của Quy trình này thì các hồ vận hành như sau:

a) Lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s đối với hồ PleiKrông; từ 75 m^3/s đến 165 m^3/s đối với hồ Ialy; từ 90 m^3/s đến 195 m^3/s đối với hồ Sê San 4;

b) Nhà máy thủy điện Sê San 4A: Vận hành xả nước phát điện về hạ du với lưu lượng thường xuyên, liên tục không nhỏ hơn 90 m^3/s và đảm bảo lưu lượng trung bình ngày trong khoảng từ 90 m^3/s đến 195 m^3/s

Trong trường hợp nhà máy thủy điện Sê San 4A không thể vận hành phát điện, Công ty Phát triển thủy điện Sê San phải vận hành cống xả của hồ Sê San 4A với lưu lượng thường xuyên, liên tục không nhỏ hơn 90 m^3/s và đảm bảo lưu lượng trung bình ngày trong khoảng từ 90 m^3/s đến 195 m^3/s;

c) Các hồ Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, Sê San 3 và Sê San 3A vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 20. Vận hành hồ trong thời kỳ II

Hằng ngày, các hồ vận hành như sau:

1. Hồ PleiKrông:

a) Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông cao hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông được phép chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s;

b) Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông cao hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 85 m^3/s;

c) Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông thấp hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s và không lớn hơn lưu lượng đến hồ;

d) Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông thấp hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

2. Hồ Ialy:

a) Trường hợp mực nước hồ Ialy cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, Chủ hồ được phép chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 160 m^3/s;

b) Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, mà có xu hướng giảm, có khả năng thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả, nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 160 m^3/s;

c) Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, thì vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày từ 140 m^3/s đến 160 m^3/s.

3. Các hồ Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4 và Nhà máy thủy điện Sê San 4A vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Quy trình này.

4. Khi kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San nhận định có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nước không đảm bảo để duy trì lưu lượng trung bình ngày 195 m^3/s sau thủy điện Sê San 4A trong các tháng mùa cạn trừ các trường hợp được quy định tại khoản 2, 3 Điều 23 của Quy trình này thì các hồ: PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Nhà máy thủy điện Sê San 4A, Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, Sê San 3 và Sê San 3A vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Quy trình này.

5. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 21. Vận hành hồ trong thời kỳ III

Hằng ngày, các hồ vận hành như sau:

1. Hồ PleiKrông

a) Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông cao hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông được phép chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s;

b) Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông cao hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 110 m^3/s;

c) Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông thấp hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 20 m^3/s và không lớn hơn lưu lượng đến hồ;

d) Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III và mực nước hồ PleiKrông thấp hơn giá trị quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, hồ PleiKrông vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

2. Hồ Ialy

a) Trường hợp mực nước hồ Ialy cao hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, Chủ hồ được phép chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 180 m^3/s;

b) Trường hợp mực nước hồ Ialy nằm trong khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, mà có xu hướng giảm, có khả năng thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả, nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 180 m^3/s;

c) Trường hợp mực nước hồ Ialy thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III, thì vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày từ 140 m^3/s đến 180 m^3/s.

3. Các hồ Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4 và Nhà máy thủy điện Sê San 4A vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Quy trình này.

4. Khi kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San nhận định có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nước không đảm bảo để duy trì lưu lượng trung bình ngày 195 m^3/s sau thủy điện Sê San 4A trong các tháng mùa cạn trừ các trường hợp được quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 23 của Quy trình này thì các hồ: PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Nhà máy thủy điện Sê San 4A, Thượng Kon Tum, Đăk Bla 1, Đăk Bla, Sê San 3 và Sê San 3A vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Quy trình này.

5. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Chương IV
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG, KHẨN CẤP

Điều 22. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định vận hành các hồ khác với quy định của Quy trình này khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 3 trở lên;

b) Khi một trong các hồ Thượng Kon Tum, PleiKrông, Ialy, Đăk Bla đã sử dụng hết dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du mà có dự báo, cảnh báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn ở thượng lưu hồ;

c) Khi mực nước trạm thuỷ văn Kon Tum vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này mà mực nước hồ, các hồ Thượng Kon Tum và hồ Đăk Bla đã đạt đến mực nước dâng bình thường, đồng thời dự báo lũ trên sông Đăk Bla còn tiếp tục tăng;

d) Khi xảy ra tình huống quy định tại khoản 4 Điều 10 của Quy trình này;

đ) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du;

e) Xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai;

g) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định việc hạ mực nước hồ xuống thấp hơn quy định tại Bảng 2.

3. Trong quá trình xử lý trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định tiếp tục sử dụng dung tích đến mực nước dâng bình thường để tham gia cắt giảm lũ cho hạ du.

4. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp xuất hiện các tình huống có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến an toàn tính mạng, tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du, trên cơ sở phương án đề xuất về mức độ, khả năng đảm bảo an toàn công trình của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Bộ Công Thương trước khi xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích trên mực nước dâng bình thường của hồ, các hồ để tham gia hỗ trợ cắt, giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn đập.

Bộ Công Thương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn có chức năng liên quan đến đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện, thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình ra quyết định nêu trên.

Điều 23. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa cạn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định việc vận hành các hồ khi xuất hiện một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên;

b) Có khả năng xuất hiện lũ trên một hoặc nhiều lưu vực hồ chứa;

c) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du;

d) Các tình huống khác với quy định tại điểm a, b và c khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành hồ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

3. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc khi kịch bản nguồn nước công bố nguồn nước trên lưu vực sông Sê San ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi xảy ra các tình huống quy định tại Điều 22 thì thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Quy trình này.

Điều 24. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định.

Chương V
QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 25. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai

1. Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này;

b) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc

sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn ở hạ du khi các hồ xả nước;

đ) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia bằng các hình thức phù hợp.

Riêng đối với các hồ Ialy, PleiKrông, Sê San 3, Sê San 4 còn phải thông báo tới Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai:

a) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành hồ từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi phải chỉ đạo, thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

b) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước.

3. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt gây ra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

4. Việc thông báo các lệnh vận hành theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc thông báo bằng các hình thức phù hợp khác. Trường hợp không thực hiện thông báo lệnh vận hành bằng văn bản, thì người nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

5. Trên cơ sở quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai và các chủ hồ ban hành Quy chế phối hợp liên quan đến việc vận hành hồ chứa để bảo đảm thông tin vận hành hồ chứa được cung cấp kịp thời, đầy đủ đến Nhân dân ở vùng hạ lưu các hồ chứa, đặc biệt trong trường hợp xảy ra mưa, lũ lớn, các tình huống bất thường, khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản của Nhân dân.

6. Triển khai các biện pháp ứng phó với lũ lụt, hạn hán theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7; khoản 1, 2 Điều 14; khoản 2, 3, 5 Điều 18; Điều 22 và khoản 1, 2 Điều 23 của Quy trình này;

b) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này;

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các Chủ hồ xây dựng quy chế phối hợp, phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời, chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền;

d) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Sê San thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

đ) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này;

e) Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này;

g) Chỉ đạo các Chủ hồ lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của các hồ, nhà máy và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Quy trình này;

h) Chỉ đạo Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu sử dụng nước hạ du, phối hợp

với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4 và Sê San 4A trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết;

i) Chỉ đạo rà soát diện tích canh tác vùng bán ngập hồ Ialy, có kế hoạch sử dụng hiệu quả diện tích canh tác vùng bán ngập lòng hồ, đặc biệt trong các trường hợp phải nâng cao mực nước hồ Ialy để góp phần gia tăng dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và tích trữ nước trong mùa cạn; giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ đảm bảo cao trình canh tác phù hợp với quy định của quy trình này;

k) Trường hợp quyết định sử dụng mực nước cao hơn mực nước quy định tại Bảng 4 của Quy trình này để cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 10 phải chỉ đạo các địa phương, chủ hồ thông báo đến người dân để đảm bảo hạn chế thiệt hại sản xuất ở vùng bán ngập trong lòng hồ Ialy;

l) Tổ chức xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ chứa theo thẩm quyền. Trong quá trình tính toán, xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan;

m) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước;

n) Tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ và các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai:

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước;

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các Chủ hồ xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và

hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền;

c) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này;

d) Tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ và các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 27. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp có tính chất quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các Chủ hồ thủy điện thực hiện việc vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch huy động của các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này. Trong đó, ưu tiên huy động điện đối với các hồ chứa có bổ sung, sử dụng thêm dung tích hồ để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ.

4. Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị có liên quan để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4 và Sê San 4A trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

5. Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện trên lưu vực sông Sê San theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của Bộ.

6. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, đặc biệt trong công tác đảm bảo an toàn công trình, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng đảm bảo an toàn cho người dân ở hạ du hồ chứa trong thời gian xảy ra mưa, lũ trên lưu vực.

7. Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên lưu vực sông Sê San trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Trong mùa lũ:

a) Chỉ đạo việc bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi có liên quan theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống bất thường, khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy lợi trên lưu vực sông Sê San theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, chuyên gia tính toán xây dựng các kịch bản, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vận hành các hồ chứa trên địa bàn để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước và dân cư khi dự báo lũ về hồ có khả năng vượt lưu lượng hoặc mực nước lũ thiết kế hoặc mực nước lũ ở hạ du có nguy cơ vượt mực nước lũ lịch sử hoặc các tình huống bất thường khác có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư trên lưu vực;

d) Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy lợi lớn trên lưu vực sông Sê San trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2. Trong mùa cạn:

a) Chỉ đạo địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước;

b) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan có liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

3. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình; chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn theo quy định của Quy trình này.

5. Chỉ đạo Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Chủ hồ thực hiện việc chia sẻ thông tin và thông báo kịp thời thông tin về vận hành và xả nước của hệ thống hồ chứa thủy điện cho các cơ quan chức năng của Campuchia theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Quy trình này.

7. Tổ chức xây dựng hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu vận hành các hồ và các thông tin, số liệu có liên quan thống nhất trên toàn lưu vực.

8. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San khi cần thiết.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ trưởng các bộ, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo bảo đảm an toàn các công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ, ngập lụt gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

Điều 31. Trách nhiệm của Chủ hồ

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Quy trình này và cơ quan, địa phương có liên quan khi có yêu cầu.

Đồng thời, chủ động tính toán, xây dựng các phương án vận hành, điều tiết nước đảm bảo an toàn công trình, cắt, giảm lũ hạ du và đề xuất phương án vận hành hồ chứa tới cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Khuyến khích thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo và hỗ trợ vận hành hồ chứa để nâng cao chất lượng dự báo, vận hành hồ.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia). Riêng đối với chủ hồ Ialy, PleiKrông, Sê San 3, Sê San 4 còn phải truyền dữ liệu về Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4. Hằng ngày, cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo yêu cầu. Riêng Ialy, PleiKrông, Sê San 3, Sê San 4 còn phải cung cấp số liệu về vận hành hồ cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành điều tiết nước qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột lưu lượng xả về hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

- Trường hợp xảy ra tình huống không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả tràn, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai và thông báo ngay tới Cục Khí tượng Thủy văn, Trung tâm Dự báo khí tượng Thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Chủ hồ bậc dưới liền kề;

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại

Điều 13 của Quy trình này. Khi vận hành bảo đảm an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai; Bộ Công Thương;

d) Chủ hồ Sê San 4 phải thực hiện thông báo kịp thời mọi thông tin như đã cam kết cho phía Campuchia theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Quy trình này;

đ) Khi xuất hiện các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Điều 22 của Quy trình này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định. Đồng thời thông báo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

e) Việc báo cáo, thông báo tới các cơ quan quy định tại khoản này được thực hiện bằng một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý;

g) Đề xuất bằng văn bản phương án tích nước theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy trình này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện phù hợp với yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả theo quy định của Quy trình này;

b) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố hoặc trong trường hợp sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành công trình theo quy định của Quy trình này;

c) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để xem xét, quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại các khoản 2, 3, 5 Điều 18 và việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy trình này;

d) Đề xuất phương án, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Quy trình này để xem xét, quyết định việc điều chỉnh chế độ vận hành hồ cho phù hợp;

đ) Đối với Chủ hồ Sê San 4 còn có trách nhiệm chuyển bản tin bằng mạng vi tính hoặc máy thông tin vô tuyến điện hoặc các hình thức khác phù hợp cho Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Ratanakiri, Sở Tài nguyên nước và Khí tượng tỉnh Ratanakiri nhằm đảm bảo thông tin cho các cơ quan liên quan phía Campuchia để kịp thời phối hợp và có ứng xử cần thiết; phối hợp với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và các cơ quan liên quan, xử lý kịp thời các ý kiến của Campuchia trong quá trình thực hiện các quy định của Quy trình này;

e) Trong trường hợp vận hành bình thường, Chủ hồ Sê San 4 thông báo kế hoạch xả nước 02 tuần tiếp theo qua mạng vi tính hoặc máy thông tin vô tuyến điện hoặc các hình thức khác phù hợp trước 07 ngày cho Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Ratanakiri, Sở Tài nguyên nước và Khí tượng tỉnh Ratanakiri;

g) Công ty thủy điện Ialy, Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển điện Sê San 3A phải thông báo kịp thời các thông tin về vận hành, điều tiết cho Công ty Phát triển thủy điện Sê San và Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A nhằm đảm bảo xả nước về hạ du với lưu lượng thường xuyên, liên tục không nhỏ hơn 90 m^3/s và đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s;

h) Hằng ngày, chủ hồ bậc trên phải thông báo kế hoạch xả nước tới chủ hồ bậc dưới liền kề. Riêng chủ hồ Sê San 4 phải thông báo kế hoạch vận hành xả nước cho Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A. Đồng thời, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A phải thông báo kế hoạch phát điện và lưu lượng xả dự kiến cho Chủ hồ Sê San 4.

Trường hợp Nhà máy thủy điện Sê San 4A dừng hoàn toàn các tổ máy thì Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A phải thông báo ngay cho Công ty Phát triển thủy điện Sê San để vận hành cống xả của hồ Sê San 4A đảm bảo dòng chảy về hạ du theo quy định;

i) Trong trường hợp đến ngày 16 tháng 02 hồ Ialy không thể đưa mực nước về cao trình 512 m, Giám đốc Công ty thủy điện Ialy phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để chỉ đạo biện pháp sản xuất ở vùng bán ngập lòng hồ Ialy từ cao trình 512 m đến 515 m;

k) Triển khai lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các hồ thuộc phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với kịch bản nguồn nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

8. Công ty thủy điện Ialy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ.

Điều 32. Trách nhiệm về an toàn các công trình

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến mất an toàn công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du thì Chủ hồ liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương, riêng các công trình Ialy, PleiKrông, Sê San 3, Sê San 4 còn phải báo cáo ngay tới Tập đoàn điện lực Việt Nam. Đồng thời, các Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

4. Hằng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định. Đồng thời báo cáo tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai để theo dõi chỉ đạo.

5. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị không thể sửa chữa xong trước ngày 30 tháng 6, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 4 Điều này để chỉ đạo xử lý.

Điều 33. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hằng ngày, Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện 01 bản tin dự báo tại các Trạm thủy văn Kon Tum và Kon Plông vào 15 giờ;

b) Hằng ngày, Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Sê San theo quy định;

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn; các bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại các Trạm thủy văn Kon Tum và Kon Plông. Tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai);

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại các Trạm thủy văn Kon Tum và Kon Plông đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 04 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ đến hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ đến hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới;

- Đối với Chủ hồ Thượng Kon Tum, PleiKrông, Ialy và Đăk Bla còn phải theo dõi, phát hiện thời điểm lưu lượng đến hồ đạt giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này và báo cáo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Hằng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 14 của Quy trình này, Cục Khí tượng

Thủy văn phải thực hiện bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Sê San và được cập nhật để phục vụ việc điều hành vận hành tích nước các hồ theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

Điều 34. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai, các Chủ hồ trước 16 giờ hằng ngày;

b) Chủ hồ phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ bậc dưới liền kề trước 11 giờ hằng ngày.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, Chủ hồ, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện việc cung cấp số liệu, thông tin như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp ngay bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ.

Khi mực nước tại Trạm thủy văn Kon Tum, Kon Plông đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này thì phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ PleiKrông, Ialy, Đăk Bla, Thượng Kon Tum;

b) Chủ hồ phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các Chủ hồ bậc dưới liền kề.

3. Chủ hồ Thượng Kon Tum, PleiKrông, Ialy và Nhà máy thủy điện Sê San 4A phải phối hợp, chia sẻ và thông báo kịp thời các thông tin về vận

hành, điều tiết cho Chủ hồ Sê San 4, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thông báo cho phía Campuchia.

4. Chủ hồ Sê San 4 đóng vai trò đầu mối cung cấp thông tin cho phía Campuchia về vận hành, xả nước theo Quy trình này như sau:

a) Trong trường hợp vận hành bình thường, thông báo kế hoạch xả nước 02 tuần tiếp theo bằng mạng vi tính hoặc máy thông tin vô tuyến điện trước 07 ngày cho các cơ quan: Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Ratanakiri, Sở Tài nguyên nước và Khí tượng tỉnh Ratanakiri;

b) Trong trường hợp có kế hoạch vận hành đặc biệt (xả nước, tích nước,...) phải thông báo trước 07 ngày bằng mạng vi tính hoặc máy thông tin vô tuyến điện cho Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Ratanakiri, Sở Tài nguyên nước và Khí tượng tỉnh Ratanakiri nhằm đảm bảo thông tin cho các cơ quan liên quan phía Campuchia kịp thời phối hợp và có ứng xử cần thiết;

c) Trong trường hợp xả lũ khẩn cấp, thông báo bằng chuyển bản tin qua mạng vi tính hoặc máy thông tin vô tuyến điện hoặc trực tiếp qua điện thoại khẩn cho các cơ quan: Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Ratanakiri, Sở Tài nguyên nước và Khí tượng tỉnh Ratanakiri và Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đảm bảo thông tin kịp thời cho các cơ quan liên quan của Campuchia, hạn chế tối đa tổn thất do xả lũ.

5. Trách nhiệm báo cáo:

Các Chủ hồ có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai; Bộ Công Thương và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo;

b) Hằng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai; Bộ Công Thương, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

6. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 35. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa cạn

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên lưu vực sông Sê San;

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Sê San vào ngày 01 hằng tháng.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Hằng ngày, tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

- Đối với Chủ hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Thượng Kon Tum còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Gia Lai, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các chủ hồ PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Thượng Kon Tum các số liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng;

b) Chủ các hồ: PleiKrông, Ialy, Sê San 4, Thượng Kon Tum phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng;

c) Chủ các hồ: PleiKrông, Ialy, Thượng Kon Tum, Sê San 3, Sê San 3A, Đăk Bla 1, Đăk Bla phải thông báo kịp thời các thông tin về vận hành, điều tiết cho Chủ hồ Sê San 4 nhằm đảm bảo duy trì lưu lượng xả về hạ du theo quy định của Quy trình này;

d) Chủ hồ Sê San 4 phải thông báo kịp thời các thông tin về vận hành, điều tiết cho Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A nhằm đảm bảo duy trì lưu lượng xả về hạ du không nhỏ hơn giá trị được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Quy trình này;

đ) Hằng ngày, các Chủ hồ cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu quan trắc, tính toán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2224/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thông số	Đơn vị	Thượng Kon Tum	Đăk Bla 1	Đăk Bla	PleiKrông	Ialy và Ialy mở rộng	Sê San 3	Sê San 3A	Sê San 4	Sê San 4A
I	**Thông số hồ chứa**										
1	Diện tích lưu vực Flv	km^2	374	1.536	1.963	3.216	7.455	7.788	8.084	9.326	9.368
2	Lưu lượng trung bình nhiều năm	m^3/s	17,4	39,7	69,8	128	260	274	286	330	330
3	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	m^3/s	3.320	6.350	6.600	10.000	21.750	17.536		20.090	17.950
4	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế	m^3/s	2.172	4.642	4.492	7.063	17.570	14.700	14.676	16.570	15.060
5	Mực nước lũ kiểm tra	m	1.161,9	589,31	559,34	573,4	519,36	309,2	242	217,8	166,2
6	Mực nước dâng bình thường	m	1.160	584,5	556,5	570	515	304,5	239	215	155,2
7	Mực nước chết	m	1.138	583,5	545	537	490	303,2	238,5	210	150,0
8	Dung tích ứng với MNDBT	10^6 m^3	145,5	4,6	46,21	1.048,7	1.037,1	92,0	80,6	893,3	13,1
9	Dung tích hữu ích Whi	10^6 m^3	103,1	0,77	30,14	948,0	779,0	3,8	4	264,2	7,5
10	Dung tích chết Wc	10^6 m^3	42,4	3,832	16,07	100,7	258,1	88,2	76,6	629,1	5,6
11	Diện tích mặt hồ ở MNDBT	km^2	7,08	0,767	3,68	53,28	64,50	3,4	8,46	58,41	1,75
II	**Nhà máy thủy điện**										
1	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	m^3/s	29,96	91,52	118,6	330	420 và 213,46	486	564	719	589,5
2	Cột nước phát điện lớn nhất	m	944,71		32	57,5	208,5 và 208,4	66,5	24,3	61,7	17,7
3	Cột nước phát điện nhỏ nhất	m	838,8		15	22,3	170,5 và 170,0	49,5	20,43	53,9	12,0
4	Cột nước phát điện tính toán	m	844	19,28	25,26	34	190,0 và 185,0	60,5	21,5	56,0	12,2
5	Công suất đảm bảo (Ndb)	MW	90,7	2,5	5,8	32,7	286,2	74,1	26,3	106,4	21,5
6	Công suất lắp máy (Nlm)	MW	220	15	27	100	720 và 360	260	108	360,0	63,0
7	Số tổ máy	Tổ máy	2	2	2	2	4 và 2	2	2	3	3

Phụ lục II

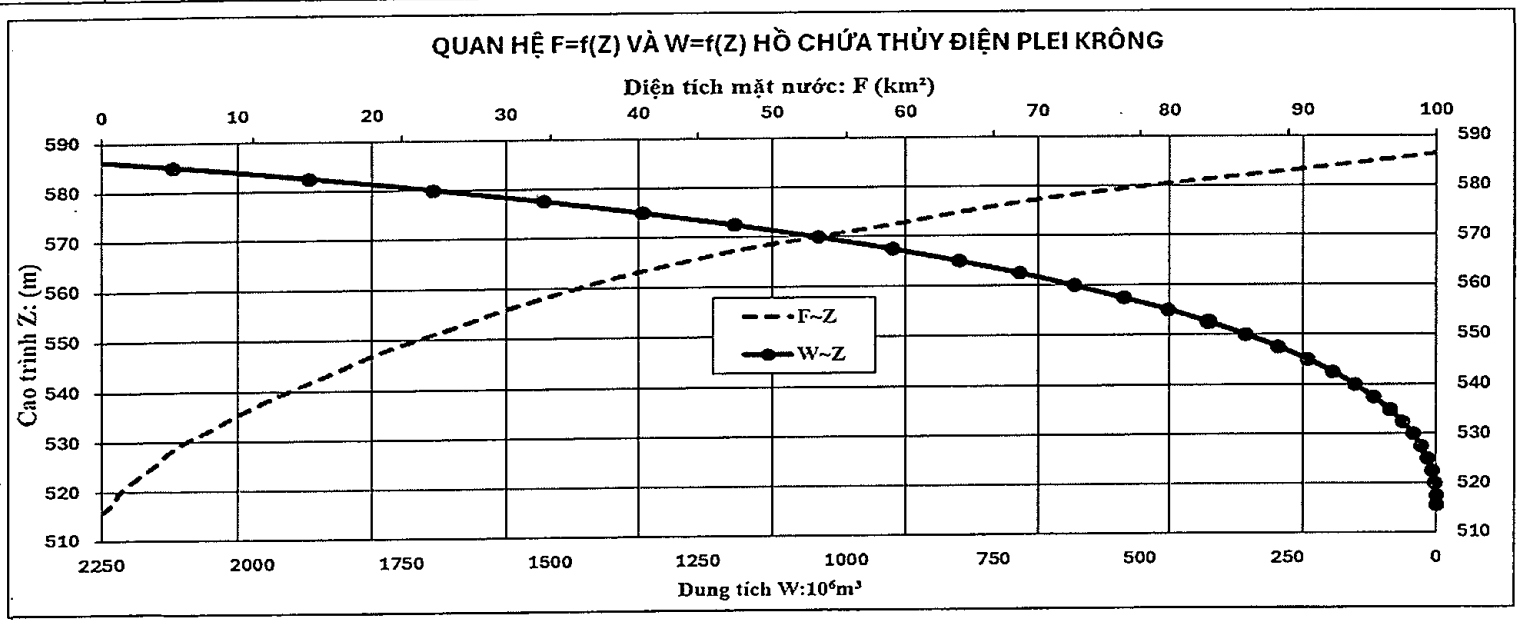
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2224/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HỒ CHỨA PLEIKRÔNG

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện PleiKrông

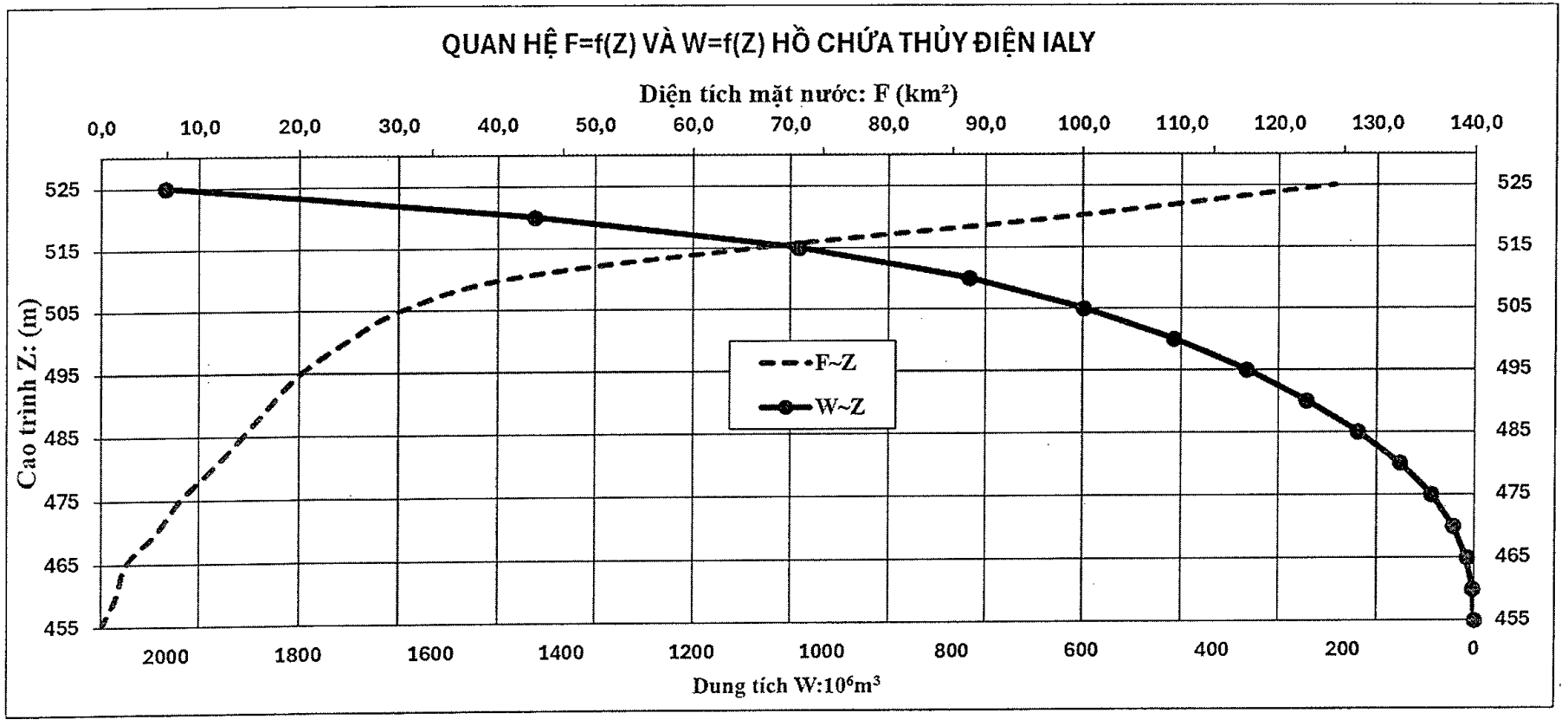
Z (m)	515,7	517,5	520	522,5	525	527,5	530	532,5	535	537,5	540	542,5
F (km^2)	0	0,74	1,33	2,43	3,71	4,7	6,12	8,11	9,76	11,69	13,83	16,14
W (10^6m^3)	0	0,46	3,01	7,63	15,25	25,73	39,21	56,93	79,23	106	137,87	175,29
Z (m)	545	547,5	550	552,5	555	557,5	560	562,5	565	567,5	570	572,5
F (km^2)	18,34	20,64	23,37	26,3	28,95	32,06	35,4	38,98	43,23	47,54	53,29	59,19
W (10^6m^3)	218,36	267,06	322,03	384,08	453,11	529,34	613,63	706,57	809,29	922,72	1048,69	1189,22
Z (m)	575	577,5	580	582,5	585	587,5						
F (km^2)	64,49	70,56	78,42	87,27	95,6	103,19						
W (10^6m^3)	1.343,79	1.512,3	1.698,19	1.905,21	2.133,72	2.382,15						



II. HỒ CHỨA IALY

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Ialy

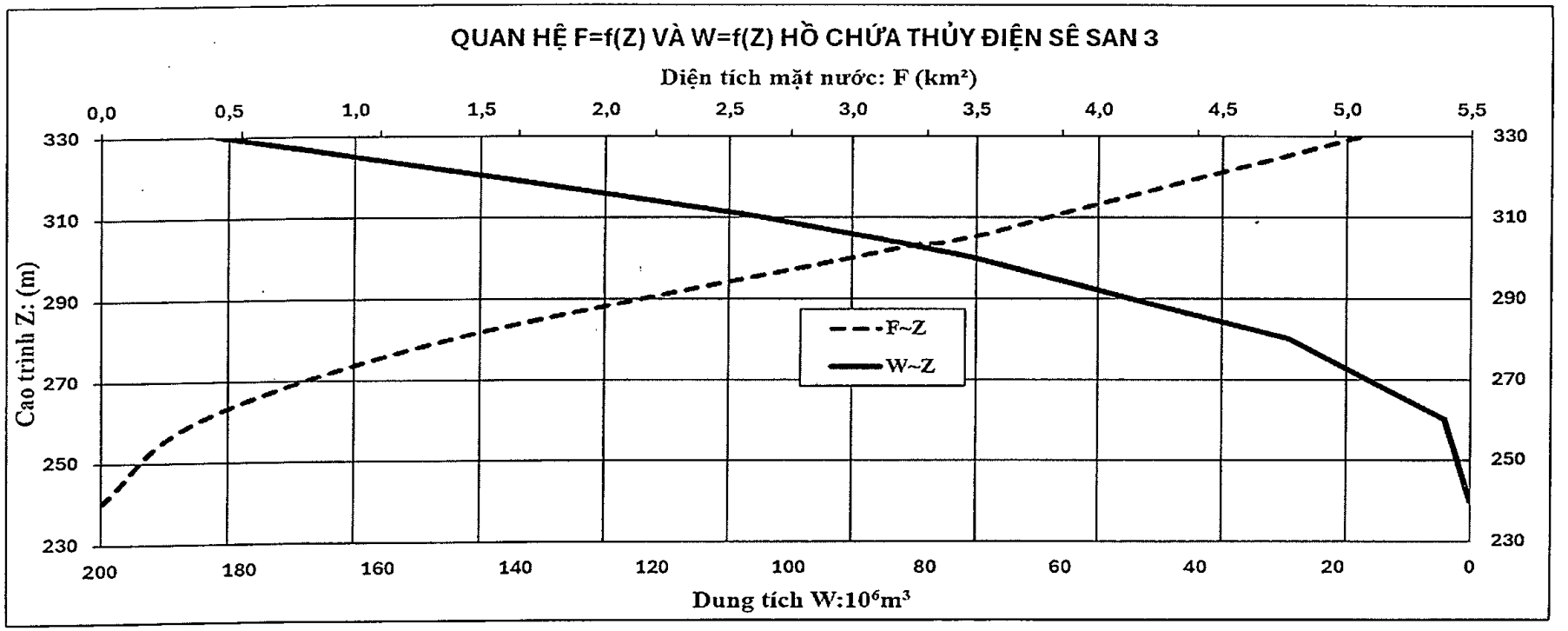
Z (m)	455	460	465	470	475	480	485	490	495	500	505	510
F (km²)	0	1,57	2,55	5,66	8,03	11,42	14,41	17,23	20,2	24,8	30,25	40,85
W ($10^6 m^3$)	0	2,61	12,18	32,21	66,26	114,64	179,07	258,07	349,18	461,47	598,86	775,96
Z (m)	515	520	525									
F (km²)	64,5	98,92	125,67									
W ($10^6 m^3$)	1.037,09	1.442,59	2.002,73									



III. HỒ CHỨA SÊ SAN 3

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Sê San 3

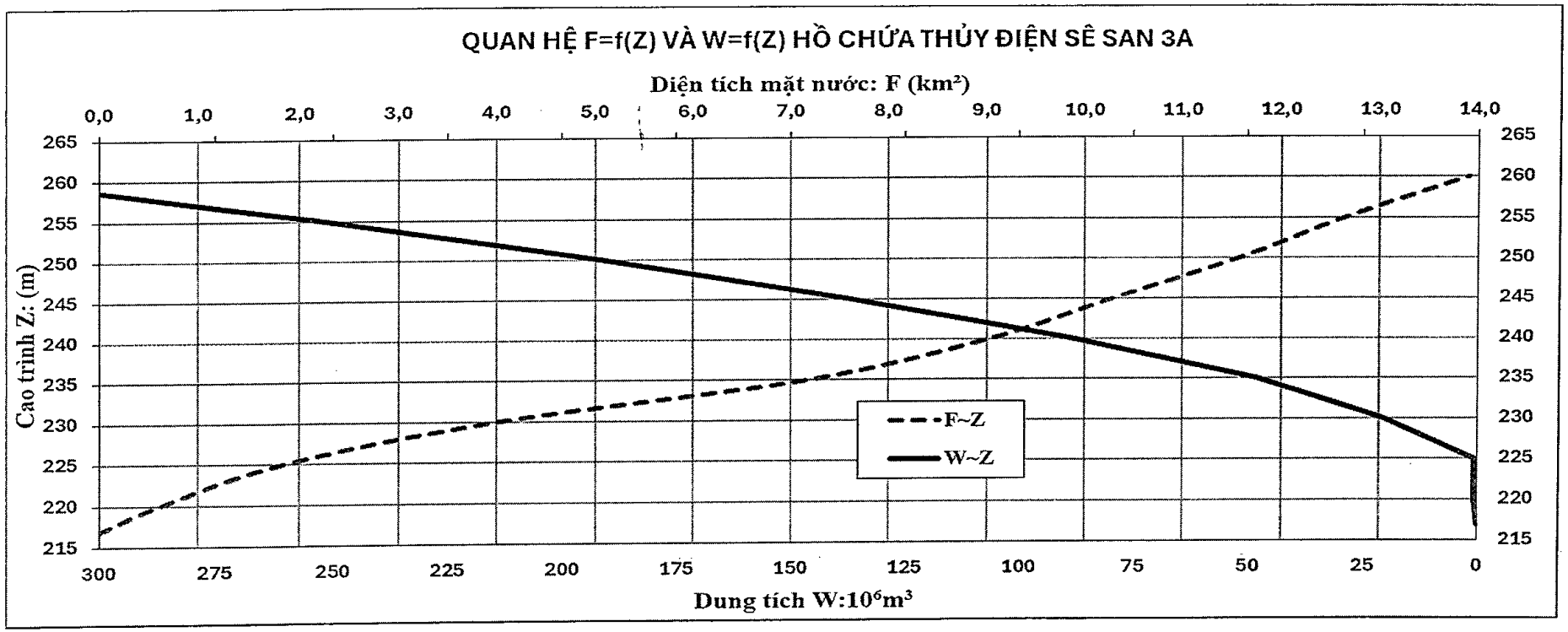
Z (m)	240	260	280	300	303	303,5	304	304,5	306	310	330
F (km^2)	0	0,38	1,38	3	3,24	3,35	3,4	3,43	3,55	3,79	5,06
W ($10^6 m^3$)	0	3,8	26,6	73,5	82,2	83,7	85,2	86,7	91,3	104,2	183,3



IV. HỒ CHỨA SÊ SAN 3A

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Sê San 3A

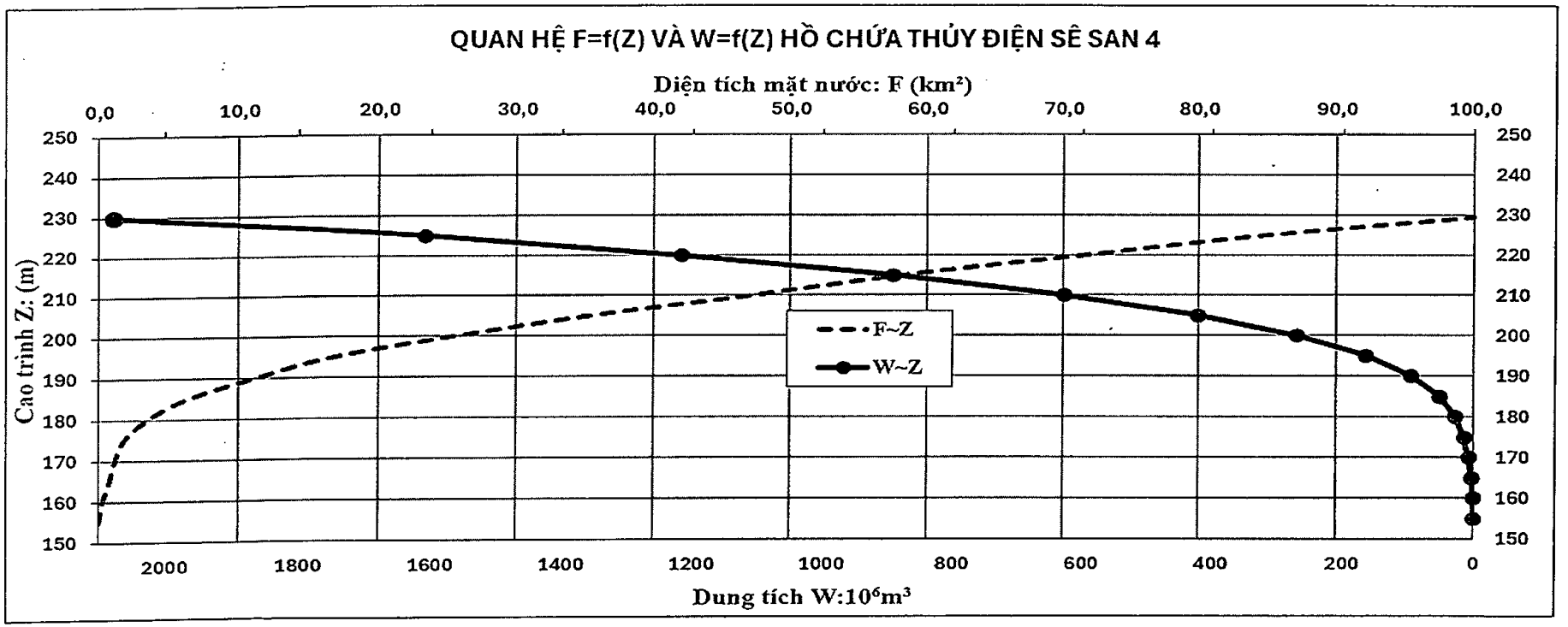
Z (m)	216,9	220	225	230	235	240	245	250	255	260
F (km^2)	0	0,61	1,84	4	7,18	9,03	10,29	11,58	12,65	13,91
W ($10^6 m^3$)	0	0,63	0,67	20,71	48,27	88,69	137	191,6	252,2	318,5



V. HỒ CHỨA SÊ SAN 4

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Sê San 4

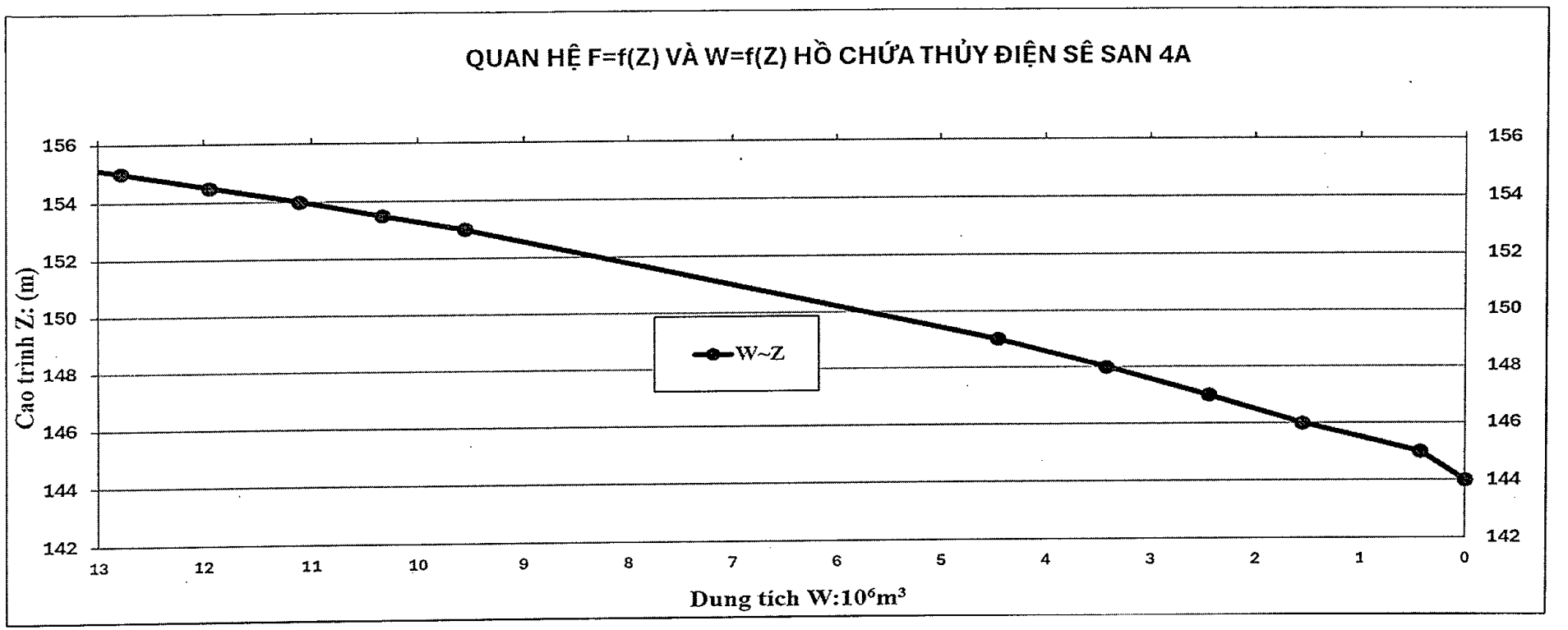
Z (m)	155	160	165	170	175	180	185	190	195	200	205	210
F (km^2)	0	0,28	0,78	1,18	1,82	3,48	6,35	11,2	16,82	25,55	35,48	47,46
W ($10^6 m^3$)	0	0,47	3,01	7,88	15,32	28,35	52,57	95,87	165,5	270,6	422,5	629,1
Z (m)	215	220	225	230								
F (km^2)	58,41	71,74	85,36	102,19								
W ($10^6 m^3$)	893,3	1.218,1	1.610,4	2.078,6								



VI. HỒ CHỨA SÊ SAN 4A

Bảng tra quan hệ W=f(Z) hồ chứa thủy điện Sê San 4A

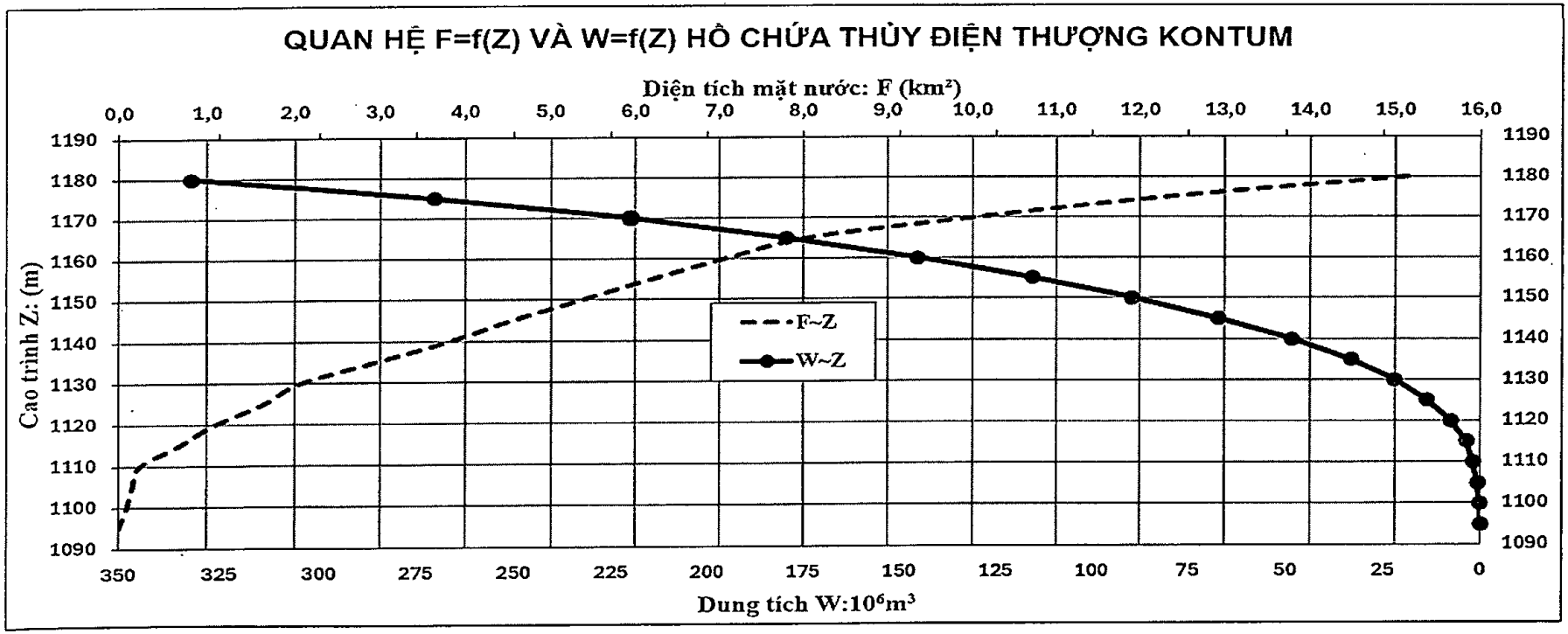
Z (m)	144	145	146	147	148	149	153	153,5	154	154,5	155	155,2
W (10^6m^3)	0	0,43	1,56	2,45	3,42	4,46	9,56	10,34	11,11	11,95	12,78	13,13



VII. HỒ CHỨA THƯỢNG KON TUM

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Thượng Kon Tum

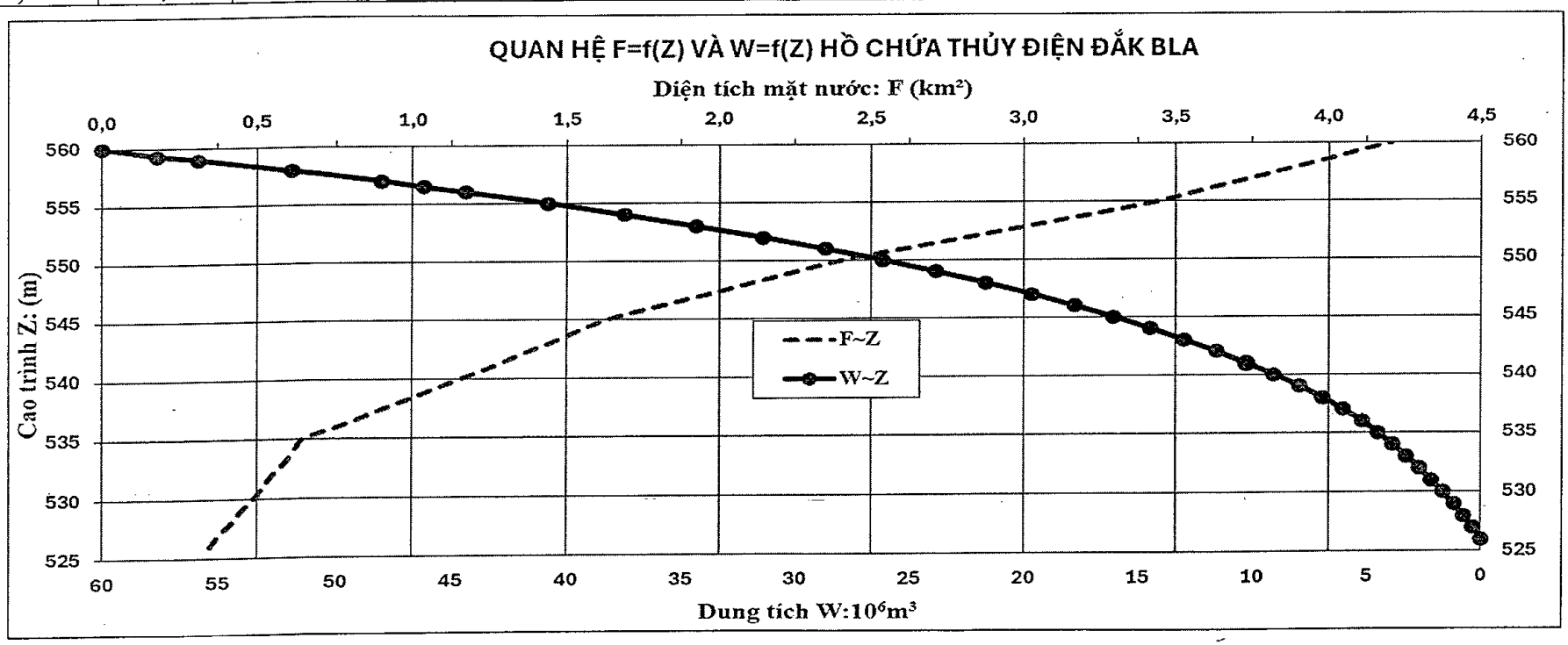
Z (m)	1095	1100	1105	1110	1115	1120	1125	1130	1135	1140	1145	1150
F (km^2)	0	0,094	0,158	0,242	0,696	1,093	1,648	2,075	2,952	3,82	4,54	5,38
W (10^6m^3)	0	0,14	0,7	1,89	3,62	7,61	13,73	22,09	33,34	48,54	67,34	89,64
Z (m)	1155	1160	1165	1170	1175	1180						
F (km^2)	6,2	7,08	8,05	10,08	12,33	15,15						
W (10^6m^3)	115,67	145,52	179,54	220,26	270,61	332,33						



VIII. HỒ CHỨA ĐĂK BLA

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Đăk Bla

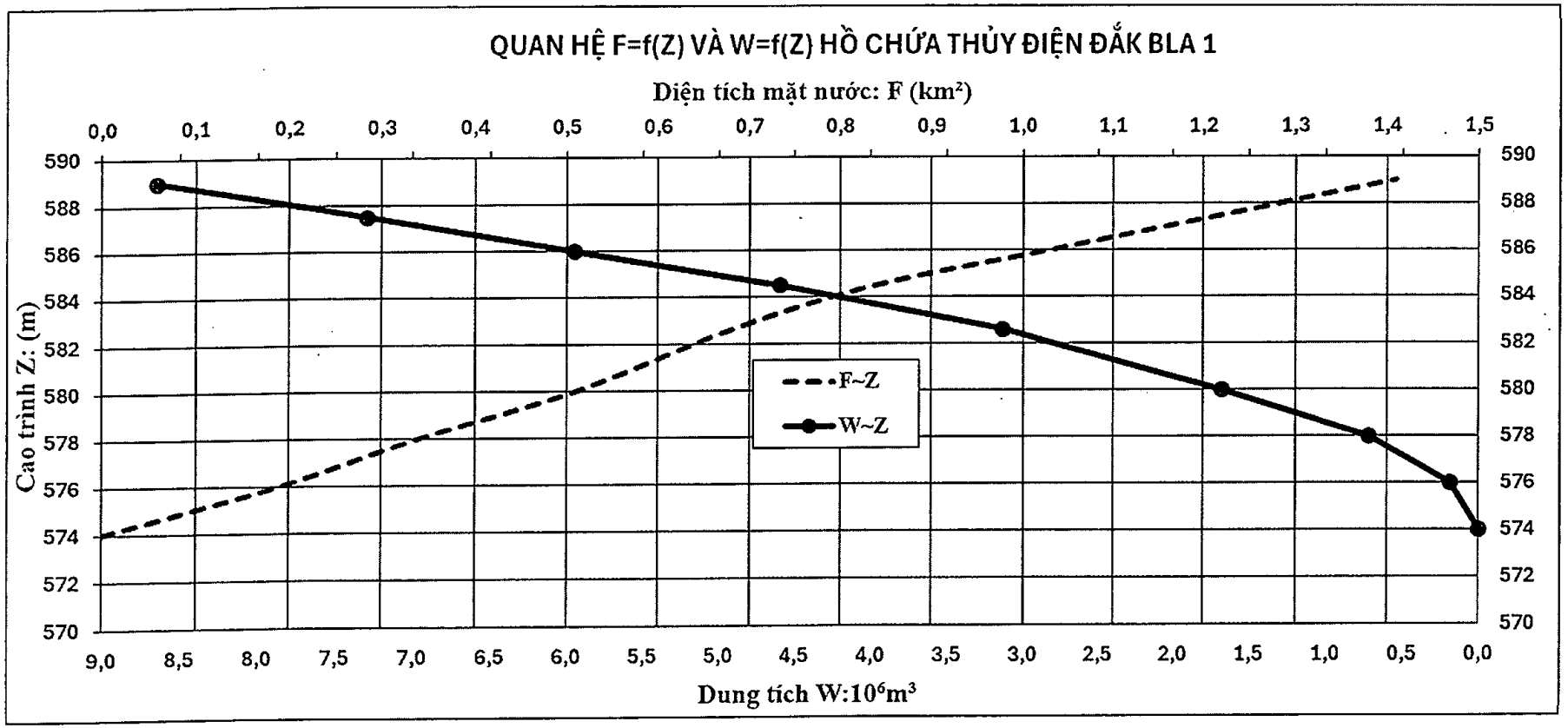
Z (m)	526	527	528	529	530	531	532	533	534	535	536	537
F (km^2)	0,35	0,38	0,42	0,45	0,49	0,52	0,55	0,59	0,62	0,65	0,76	0,86
W (10^6m^3)	0	0,37	0,77	1,2	1,67	2,18	2,71	3,28	3,89	4,52	5,23	6,04
Z (m)	538	539	540	541	542	543	544	545	546	547	548	549
F (km^2)	0,96	1,06	1,16	1,26	1,35	1,45	1,54	1,64	1,79	1,95	2,10	2,25
W (10^6m^3)	6,94	7,95	9,07	10,28	11,58	12,99	14,48	16,07	17,79	19,66	21,68	23,86
Z (m)	550	551	552	553	554	555	556	556,5	557	558	559	559,34
F (km^2)	2,41	2,62	2,83	3,04	3,25	3,45	3,60	3,68	3,76	3,91	4,06	4,11
W (10^6m^3)	26,19	28,70	31,42	34,35	37,49	40,84	44,37	46,21	48,05	51,88	55,86	57,63



IX. HỒ CHỨA ĐĂK BLA 1

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Đăk Bla 1

Z (m)	574	576	578	580	582,6	584,5	586	587,5	589
F (km^2)	0,00	0,19	0,34	0,51	0,68	0,84	1,03	1,22	1,41
W (10^6m^3)	0	0,19	0,72	1,68	3,14	4,6	5,95	7,3	8,65



Phụ lục III

MỰC NƯỚC, KHOẢNG MỰC NƯỚC TỐI THIỂU CÁC HỒ CHỨA TẠI CÁC THỜI ĐIỂM

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2224/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thời điểm (ngày/tháng)	PleiKrông (m)	Sê San 4 (m)	Thượng Kon Tum (m)	Ialy (m)			
					Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)	
					Từ	Đến	Từ	Đến
1	01/12	568,7	214,5	1159,4	01/12	10/12	512,2	512,7
2	11/12	568,3	214,3	1159,2	11/12	20/12	511,7	512,2
3	21/12	568,0	214,3	1159,1	21/12	31/12	510,8	511,3
4	01/01	567,8	214,1	1159,0	01/01	10/01	509,5	510,0
5	11/01	567,5	214,1	1158,8	11/01	20/01	508,1	508,6
6	21/01	567,2	214,1	1158,7	21/01	31/01	506,5	507,0
7	01/02	567,0	213,7	1158,5	01/02	10/02	504,7	505,2
8	11/02	566,7	213,7	1158,3	11/02	20/02	502,4	502,9
9	21/02	566,4	213,7	1158,2	21/02	28/02 (29/02)	501,8	502,3
10	01/03	566,0	212,3	1158,1	01/03	10/03	501,2	501,7
11	11/03	564,9	212,3	1156,4	11/03	20/03	500,4	500,9
12	21/03	563,6	212,3	1154,7	21/03	31/03	499,4	499,9
13	01/04	562,3	210,7	1152,7	01/04	10/04	498,1	498,6
14	11/04	560,8	210,7	1150,9	11/04	20/04	496,9	497,4
15	21/04	559,3	210,7	1148,7	21/04	30/04	495,6	496,1
16	01/05	557,6	210,3	1146,4	01/05	10/05	494,6	495,1
17	11/05	554,6	210,3	1144,4	11/05	20/05	493,7	494,2
18	21/05	551,4	210,3	1142,4	21/05	31/05	493,0	493,5
19	01/06	547,6	210,3	1141,6	01/06	10/06	492,4	492,9
20	11/06	543,3	210,3	1140,2	11/06	20/06	491,5	492,0
21	21/06	539,1	210,3	1139,0	21/06	30/06	490,0	491,1
22	30/06	537,0	210,0	1138,0				